

Biểu mẫu 7
THÔNG BÁO

**Công khai danh sách cán bộ giảng viên tham gia từng chương trình đào tạo
hệ chính quy của cơ sở giáo dục đại học
(Tính đến tháng 10 năm 2016)**

Biểu 7.1: Sư phạm Toán

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Trần Đình Minh				x		Đại số	0,33
2	Phạm Hiến Bằng		x				Giải tích	0,25
3	Hà Trần Phương		x				Giải tích	0,25
4	Nguyễn Danh Nam		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
5	Lưu Phương Thảo				x		Đại số	0,33
6	Trần Nguyên An			x			Đại số	0,25
7	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số	0,25
8	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0,14
9	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0,16
10	Bùi Thế Hùng			x			Giải tích	0,25
11	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0,16
12	Nguyễn Văn Thìn				x		Giải tích	0,33
13	Trịnh Diệp Linh			x			Giải tích	0,33
14	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0,2
15	Trần Huệ Minh			x			Hình học-Tô pô	0,16
16	Dương Quang Hải			x			Hình học	0,33
17	Nguyễn Văn Ninh				x		Hình học	0,33
18	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,16
19	Cao Thị Hà		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
20	Phan Thị Phương Thảo				x		LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
21	Trần Việt Cường		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
22	Đỗ Thị Trinh			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
23	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0,2
24	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0,16
25	Trần Đình Hùng				x		Toán ứng dụng	0,33
26	Giáp Văn Sự				x		Toán ứng dụng	0,5
27	Nguyễn Mạnh Đức			x			Tin học	0,33
28	Trương Thị Hương				x		Tin học	0,33
29	Nguyễn Thị Thu Hiền				x		Tin học	0,33
30	Trần Ngọc Hà				x		Tin học	0,33
31	Nguyễn Văn Trường				x		Tin học	0,33
32	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	0,16
33	Lê Bích Liên				x		Tin học	0,2

34	Nguyễn T Ánh Hằng				x		Đại số	0,5
35	Hoàng Ngọc Yến				x		Đại số	1
36	Vũ Đức Quang					x	Tin học	1
37	Đoàn Thị Minh Thái				x		Tin học	0,2
38	Trần Đỗ Minh Châu			x			Đại số	0,33
39	Lương Thị Hồng Lan				x		Tin học	0,2
40	Nguyễn Duy Phương				x		Giải tích	1
Cộng		0	5	14	20	1		13,1

Biểu 7.2: Sự phạm Toán Chất lượng cao

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Trần Đình Minh				x		Đại số	0,33
2	Phạm Hiến Bằng		x				Giải tích	0,25
3	Hà Trần Phương		x				Giải tích	0,25
4	Nguyễn Danh Nam		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
5	Lưu Phương Thảo				x		Đại số	0,33
6	Trần Nguyên An			x			Đại số	0,25
7	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số	0,25
8	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0,14
9	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0,16
10	Bùi Thế Hùng			x			Giải tích	0,25
11	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0,16
12	Nguyễn Văn Thìn				x		Giải tích	0,33
13	Trịnh Diệp Linh			x			Giải tích	0,33
14	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0,2
15	Trần Huệ Minh			x			Hình học-Tô pô	0,16
16	Dương Quang Hải			x			Hình học	0,33
17	Nguyễn Văn Ninh				x		Hình học	0,33
18	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,16
19	Cao Thị Hà		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
20	Phan Thị Phương Thảo				x		LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
21	Trần Việt Cường		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
22	Đỗ Thị Trinh			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
23	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0,2
24	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0,16
25	Trần Đình Hùng				x		Toán ứng dụng	0,33
26	Nguyễn Mạnh Đức			x			Tin học	0,33
27	Trương Thị Hương				x		Tin học	0,33
28	Nguyễn Thị Thu Hiền				x		Tin học	0,33
29	Trần Ngọc Hà				x		Tin học	0,33
30	Nguyễn Văn Trường				x		Tin học	0,33
31	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	0,16

32	Lê Bích Liên				x		Tin học	0,2
33	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0,25
34	Đoàn Thị Minh Thái				x		Tin học	0,2
35	Trần Đỗ Minh Châu			x			Đại số	0,33
36	Lương Thị Hồng Lan				x		Tin học	0,2
Cộng		0	5	14	17	0	0	9,4

Biểu 7.3: Sư phạm Tin

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Trần Đình Minh				x		Đại số	0,33
2	Lưu Phương Thảo				x		Đại số	0,33
3	Trần Nguyên An			x			Đại số	0,25
4	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số	0,25
5	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0,14
6	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0,16
7	Bùi Thế Hùng			x			Giải tích	0,25
8	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0,16
9	Nguyễn Văn Thìn				x		Giải tích	0,33
10	Trịnh Diệp Linh			x			Giải tích	0,33
11	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0,2
12	Trần Huệ Minh			x			Hình học-Tô pô	0,16
13	Dương Quang Hải			x			Hình học	0,33
14	Nguyễn Văn Ninh				x		Hình học	0,33
15	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,16
16	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0,2
17	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0,16
18	Trần Đình Hùng				x		Toán ứng dụng	0,33
19	Giáp Văn Sự				x		Toán ứng dụng	0,5
20	Nguyễn Mạnh Đức			x			Tin học	0,33
21	Trương Thị Hương				x		Tin học	0,33
22	Nguyễn Thị Thu Hiền				x		Tin học	0,33
23	Trần Ngọc Hà				x		Tin học	0,33
24	Nguyễn Văn Trường				x		Tin học	0,33
25	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	0,16
26	Lê Bích Liên				x		Tin học	0,2
27	Cáp Thanh Tùng				x		Tin học	0,5
28	Phạm Văn Tiến				x		Tin học	0,5
29	Đoàn Thị Minh Thái				x		Tin học	0,2
30	Lương Thị Hồng Lan				x		Tin học	0,2
Cộng		0	0	12	18	0		8,3

Biểu 7.4: Sư phạm Vật lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Thị Thu Hà (L)			x			LL&PPDH Vật lý	0,33
2	Cao Tiến Khoa			x			LL&PPDH Vật lý	0,33
3	Phan Đình Quang				x		LL&PPDH Vật lý	0,5
4	Nguyễn Quang Linh				x		LL&PPDH Vật lý	0,5
5	Thái Quốc Bảo				x		LL&PPDH Vật lý	0,5
6	Nguyễn Hồng Lĩnh				x		Toán đại cương	1
7	Vương Kim Yến				x		VL kỹ thuật	1
8	Lê Bá Tứ				x		VL kỹ thuật	1
9	Nguyễn Quang Hải				x		VL kỹ thuật	1
10	Lê Thị Hồng Gấm				x		VL kỹ thuật	1
11	Cao Minh Thắng				x		VL kỹ thuật	1
12	Võ Quang Hoàn					x	VL kỹ thuật	1
13	Ngô Tuấn Ngọc				x		VL kỹ thuật	1
14	Chu Việt Hà		x				VL lý thuyết	0,33
15	Vũ Thị Kim Liên		x				Vật lý chất rắn	0,2
16	Phạm Hữu Kiên			x			VL lý thuyết	0,33
17	Đỗ Thị Huế				x		VL lý thuyết	1
18	Vũ Thị Hồng Hạnh			x			VL đại cương	0,25
19	Đỗ Thùy Chi			x			Vật lý chất rắn	0,2
20	Giáp Thùy Trang				x		VL đại cương	1
21	Khúc Hùng Việt				x		VL đại cương	1
22	Đặng Thị Hương				x		VL đại cương	1
23	Dương Thị Hà				x		VL đại cương	1
24	Phạm Thanh Bình				x		VL đại cương	1
25	Phạm Mai An			x			VL lý thuyết	0,5
Cộng		0	2	6	16	1		17,97

Biểu 7.5: Sư phạm Hóa

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Hữu Thiêng		x				Hóa vô cơ	0,33
2	Dương Thị Tú Anh			x			Hóa phân tích	0,5
3	Hoàng Thị Chiên		x				LL&PPDH Hóa học	0,33
4	Phạm Hồng Chuyên				x		Hóa lý	1
5	Lê Huy Hoàng				x		LL&PPDH Hóa học	0,5
6	Vũ Thị Hậu			x			Hóa lý	0,5
7	Trần Thị Huế				x		Hóa phân tích	1
8	Nghiêm Thị Hương				x		Hóa vô cơ	1
9	Nguyễn Mậu Đức			x			LL&PPDH Hóa học	0,5
10	Nguyễn Thị Tố Loan		x				Hóa vô cơ	0,25

11	Nguyễn Thị Hiền Lan		x				Hóa vô cơ	0,33
12	Chu Mạnh Nhượng			x			Hóa phân tích	0,5
13	Vũ Văn Nhượng			x			Hóa CN- MT	0,5
14	Phạm Thị Hà Thanh			x			Hóa vô cơ	0,25
15	Dương Ngọc Toàn			x			Hóa hữu cơ	0,5
16	Nguyễn Văn Trung				x		Hóa vô cơ	0,5
17	Đinh Thuý Vân				x		Hóa hữu cơ	0,5
18	Phạm Văn Khang			x			Hóa hữu cơ	0,5
19	Trần Quốc Toàn				x		Hóa lý	1
20	Đỗ Trà Hương		x				Hóa lý	0,5
21	Ngô Thị Mai Việt			x			Hóa phân tích	0,33
22	Mai Xuân Trường		x				Hóa phân tích	0,5
23	Bùi Đức Nguyên		x				Hóa vô cơ	0,25
24	Nguyễn Thị Thanh Hương			x			Hóa hữu cơ	0,5
25	Lê Thị Phương					x	Hóa phân tích	1
26	Nguyễn Thị Thanh Nhân					x	Hóa phân tích	1
27	Nguyễn Công Biên					x	Hóa hữu cơ	1
Cộng		0	7	10	7	3		15,57

Biểu 7.6: Sự phạm Ngữ văn

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thuý Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0,2
2	Nguyễn Thị Nhung			x			Ngôn ngữ	0,25
3	Đặng Quyết Tiến				x		Văn học nước ngoài	0,25
4	Hoàng Thị Thập			x			Văn học nước ngoài	0,25
5	Hoàng Điệp			x			Văn học Việt Nam	0,33
6	Nguyễn Thị Hạnh Phương				x		Ngôn ngữ	0,5
7	Lê Thị Hương Giang				x		Ngôn ngữ	0,33
8	Ngô Thị Thanh Nga			x			Văn học trung đại	0,33
9	Dương Thu Hằng		x				Văn học Việt Nam	0,25
10	Cao Thị Hảo		x				Văn học Việt Nam	0,25
11	Nguyễn Thị Thắm			x			Văn học nước ngoài	0,5
12	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Văn học dân gian	0,25
13	Trần Thị Ngọc Anh			x			Lý luận văn học	0,5
14	Nguyễn Thị Thu Thủy			x			LL& PPDH Văn - TV	0,33
15	Ngô Thị Thu Trang			x			Hán nôm	0,16
16	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0,2
17	Nguyễn Thu Quỳnh			x			Ngôn ngữ	0,5
18	Ngô Thị Thanh Quý		x				Văn học dân gian	0,2
19	Hồ Thị Phương Trang				x		Ngôn ngữ	1
20	Nguyễn Nhật Huy				x		Lý luận văn học	1
21	Đào Thị Hồng Hạnh				x		LL& PPDH Văn - TV	1

22	Hoàng Mai Quyên				x		LL& PPDH Văn - TV	1
23	Nguyễn Diệu Thương				x		Ngôn ngữ	1
24	Nguyễn Hồng Linh				x		Hán nôm	1
25	Nguyễn Kiều Hương				x		Lý luận văn học	1
26	Ôn Thị Mỹ Linh			x			Văn học nước ngoài	0,33
27	Trần Thị Nhung			x			Văn học Việt Nam	1
28	Nguyễn Thị Cẩm Anh				x		Văn học nước ngoài	1
29	Trần Thị Ngọc				x		Văn học Việt Nam	1
30	Nguyễn Thị Bích			x			Văn học Việt Nam	0,33
31	Cao Thị Thu Hoài			x			Ngôn ngữ	0,33
Cộng		0	4	15	12	0		16,6

Biểu 7.7: Sự phạm Ngữ văn chất lượng cao

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thuỷ Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0,2
2	Nguyễn Thị Nhung			x			Ngôn ngữ	0,25
3	Đặng Quyết Tiến				x		Văn học nước ngoài	0,25
4	Hoàng Thị Thập			x			Văn học nước ngoài	0,25
5	Hoàng Điệp			x			Văn học Việt Nam	0,33
6	Nguyễn Thị Hạnh Phương				x		Ngôn ngữ	0,5
7	Lê Thị Hương Giang				x		Ngôn ngữ	0,33
8	Ngô Thị Thanh Nga			x			Văn học trung đại	0,33
9	Dương Thu Hằng		x				Văn học Việt Nam	0,25
10	Cao Thị Hào		x				Văn học Việt Nam	0,25
11	Nguyễn Thị Thắm			x			Văn học nước ngoài	0,5
12	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Văn học dân gian	0,25
13	Trần Thị Ngọc Anh			x			Lý luận văn học	0,5
14	Nguyễn Thị Thu Thủy			x			LL& PPDH Văn - TV	0,33
15	Ngô Thị Thu Trang			x			Hán nôm	0,16
16	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0,2
17	Nguyễn Thu Quỳnh			x			Ngôn ngữ	0,5
18	Ngô Thị Thanh Quý		x				Văn học dân gian	0,2
19	Ôn Thị Mỹ Linh			x			Văn học nước ngoài	0,33
20	Nguyễn Thị Bích			x			Văn học Việt Nam	0,33
Cộng		0	4	13	3	0		6,2

Biểu 7.8: Sự phạm Lịch sử

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Hà Thị Thu Thủy		x				Lịch sử VN	0,33
2	Nguyễn Thị Quế Loan			x			Nhân học Văn hoá	0,25
3	Lê Thị Thu Hương (S-B)			x			Lịch sử VN	0,5

4	Lê Thị Thu Hương (S-A)				x		LL& PPDH Lịch sử	0,5
5	Nguyễn Thị Hòa				x		Lịch sử VN	1
6	Âu Sơn Hưng				x		Lịch sử Việt Nam	1
7	Âu Đình Viên				x		LL& PPDH Lịch sử	1
8	Đỗ Hồng Thái		x				LL& PPDH Lịch sử	0,33
9	Mai Văn Nam				x		LL& PPDH Lịch sử	1
10	Nguyễn Hà Giang			x			LL& PPDH Lịch sử	1
11	Nguyễn Văn Quyết				x		LL& PPDH Lịch sử	1
12	Nghiêm Thị Hải Yến			x			LS Thế giới	0,33
13	Kim Ngọc Thu Trang			x			LS Thế giới	0,33
14	Hoàng Xuân Trường				x		LS Thế giới	1
15	Trần Kim Thủy				x		LS Thế giới	1
16	Nguyễn Thị Trang					x	Lịch sử Thế giới	1
17	Hoàng Thị Mỹ Hạnh			x			Lịch sử Việt Nam	0,5
18	Hoàng Thị Trà My				x		LS Thế giới	0,5
19	Nguyễn Đức Thắng			x			Lịch sử VN	0,5
Cộng		0	2	7	9	1		13,07

Biểu 7.9: Sự phạm Địa lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Dương Quỳnh Phương		x				Địa lý học	0,25
2	Nguyễn Thị Hồng		x				Địa lý tự nhiên	0,2
3	Nguyễn Thị Mây				x		Địa lý tự nhiên	1
4	Đỗ Văn Hào			x			LL& PPDH Địa lý	0,25
5	Nguyễn Phương Liên		x				LL& PPDH Địa lý	0,25
6	Vũ Văn Anh			x			Địa lý kinh tế	0,2
7	Phạm Thu Thủy				x		Địa lý tự nhiên	1
8	Trần Đức Văn				x		Địa lý tự nhiên	1
9	Phạm Tất Thành				x		Địa lý tự nhiên	1
10	Nguyễn T Minh Nguyệt			x			Địa lý tự nhiên	1
11	Phạm Hương Giang			x			Địa lý tự nhiên	0,5
12	Nguyễn Thị Thu Hà (Đ)				x		Địa lý tự nhiên	0,5
13	Nguyễn Thanh Mai				x		Địa lý kinh tế xã hội	1
14	Hoàng Thị Hoài Linh				x		Địa lý kinh tế xã hội	1
15	Nghiêm Văn Long				x		Địa lý tự nhiên	1
16	Đỗ Vũ Sơn		x				LL& PPDH Địa lý	0,33
17	Thân Thị Huyền				x		Địa lý kinh tế xã hội	1
Cộng		0	4	4	9	0		11,48

Biểu 7.10: Sư phạm Sinh học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0,16
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0,16
4	Nguyễn Văn Hồng		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
5	Nguyễn Phúc Chính		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0,2
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0,14
8	Nguyễn Thị Hà			x			LL & PPDH Sinh học	0,16
9	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0,14
10	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động vật	0,16
11	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0,16
12	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0,16
13	Nguyễn Thị Hằng			x			LL & PPDH Sinh học	0,33
14	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0,16
15	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0,16
16	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0,16
17	Hoàng Phú Hiệp			x			Di truyền học	0,2
18	Vũ Trọng Lượng				x		SL Động vật	0,33
19	Nguyễn Đức Hùng				x		SL Động vật	0,33
20	Cao Văn Thuật					x	Động vật học	0,5
21	Hoàng Thanh Thủy					x	Chăn nuôi	0,33
22	Tạ Thị Ngọc Hà					x	Sinh lý học thực vật	1
23	Nguyễn T Hồng Chuyên					x	Hóa học	0,33
24	Từ Quang Trung				x		Chăn nuôi	0,5
25	Nguyễn Vũ Bảo				x		Sinh thái học	0,5
26	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0,16
27	Nguyễn Hữu Quân			x			Vì sinh học	0,33
28	Nguyễn Thị Thu Hà (S)				x		Sinh lý học thực vật	0,33
29	Cao Thị Phương Thảo					x	Sinh học	0,33
30	Nguyễn Thị Quỳnh Anh				x		Sinh thái học	0,5
Cộng		1	4	14	6	5		8,38

Biểu 7.11: Sư phạm Sinh - KTN

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0,16
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0,16
4	Nguyễn Văn Hồng		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
5	Nguyễn Phúc Chính		x				LL & PPDH Sinh học	0,16

6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0,2
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0,14
8	Nguyễn Thị Hà			x			LL & PPDH Sinh học	0,16
9	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0,14
10	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động vật	0,16
11	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0,16
12	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0,16
13	Nguyễn Thị Hằng			x			LL & PPDH Sinh học	0,33
14	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0,16
15	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0,16
16	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0,16
17	Hoàng Phú Hiệp			x			Di truyền học	0,2
18	Vũ Trọng Lượng				x		SL Động vật	0,33
19	Nguyễn Đức Hùng				x		SL Động vật	0,33
20	Nguyễn Hữu Quân			x			Vi sinh học	0,33
21	Nguyễn Thị Thu Hà (S)				x		Sinh lý học thực vật	0,33
22	Cao Văn Thuật					x	Động vật học	0,5
23	Hoàng Thanh Thủy					x	Chăn nuôi	0,33
24	Nguyễn T Hồng Chuyên					x	Hóa học	0,33
25	Từ Quang Trung				x		Chăn nuôi	0,5
26	Nguyễn Vũ Bảo				x		Sinh thái học	0,5
27	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0,16
28	Cao Thị Phương Thảo					x	Sinh học	0,33
29	Nguyễn Thị Quỳnh Anh				x		Sinh thái học	0,5
Cộng		1	4	14	6	4		7,38

Biểu 7.12: Sự phạm Sinh chất lượng cao

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0,16
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0,16
4	Nguyễn Văn Hồng		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
5	Nguyễn Phúc Chính		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0,2
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0,14
8	Nguyễn Thị Hà			x			LL & PPDH Sinh học	0,16
9	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0,16
10	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0,16
11	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0,14
12	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0,16
13	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động vật	0,16
14	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0,16

15	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0,16
16	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0,16
17	Hoàng Phú Hiệp			x			Di truyền học	0,2
Cộng		1	4	12	0	0		2,74

Biểu 7.13: Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Danh Vũ					x	Điền kinh	0,5
2	Trương Tấn Hùng				x		Bóng chuyền	0,5
3	Nguyễn Văn Dũng				x		Đá cầu	0,5
4	Đỗ Thị Thái Thanh				x		Bóng bàn	0,33
5	Nguyễn Văn Lực				x		Bơi lội	0,5
6	Đỗ Duy Linh					x	Điền kinh	0,5
7	Lê Đình Thành					x	Thể dục	0,5
8	Hà Quang Tiến			x			Điền kinh	0,5
9	Trần Thị Tú				x		Điền kinh	0,5
10	Phạm Văn Quang				x		GDTC	0,5
11	Nguyễn Thành Trung				x		Bóng rổ	0,5
12	Đỗ Ngọc Cương				x		Bóng đá	0,5
13	Trần Minh Khương				x		Bơi lội	0,5
14	Đào Ngọc Anh				x		Thể dục	0,5
15	Ma Đức Tuấn				x		Cờ vua	0,5
16	Nguyễn Đức Tuấn				x		Bóng chuyền	0,5
17	Lê Văn Hùng					x	GDTC	0,5
18	Nguyễn Thị Hà				x		Y Sinh-TDĐT	0,5
19	Mã Thiêm Phách				x		GDTC	0,5
20	Nguyễn Nhạc					x	Điền kinh	0,5
21	Nguyễn Đức Trường					x	Bóng rổ	0,5
22	Nguyễn Duy Nam					x	Thể dục	0,5
Cộng		0	0	1	14	7		10,83

Biểu 7.14: Giáo dục thể chất - Quốc phòng

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Danh Vũ					x	Điền kinh	0,5
2	Trương Tấn Hùng				x		Bóng chuyền	0,5
3	Nguyễn Văn Dũng				x		Đá cầu	0,5
4	Đỗ Thị Thái Thanh				x		Bóng bàn	0,33
5	Nguyễn Văn Lực				x		Bơi lội	0,5
6	Đỗ Duy Linh					x	Điền kinh	0,5
7	Lê Đình Thành					x	Thể dục	0,5
8	Hà Quang Tiến			x			Điền kinh	0,5
9	Trần Thị Tú				x		Điền kinh	0,5

10	Phạm Văn Quang				x		GDTC	0,5
11	Nguyễn Thành Trung				x		Bóng rổ	0,5
12	Đỗ Ngọc Cương				x		Bóng đá	0,5
13	Trần Minh Khương				x		Bơi lội	0,5
14	Đào Ngọc Anh				x		Thể dục	0,5
15	Ma Đức Tuấn				x		Cờ vua	0,5
16	Nguyễn Đức Tuấn				x		Bóng chuyền	0,5
17	Lê Văn Hùng					x	GDTC	0,5
18	Nguyễn Thị Hà				x		Y Sinh-TDĐT	0,5
19	Mã Thiêm Phách				x		GDTC	0,5
20	Nguyễn Nhạc					x	Điện kinh	0,5
21	Nguyễn Đức Trường					x	Bóng rổ	0,5
22	Nguyễn Duy Nam					x	Thể dục	0,5
Cộng		0	0	1	14	7		10,83

Biểu 7.15: Giáo dục chính trị

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Vũ Thị Tùng Hoa			x			Triết học	0,5
2	Ngô Lan Anh			x			Triết học	0,5
3	Vũ Minh Tuyên			x			Triết học	0,5
4	Đồng Văn Quân			x			Triết học	0,5
5	Nguyễn Hữu Toàn			x			Lịch sử Đảng	0,5
6	Nguyễn Văn Tuyên				x		Lịch sử Đảng	1
7	Nguyễn Thị Khương			x			Triết học	0,5
8	Nguyễn T. Thu Hiền				x		Triết học	1
9	Nguyễn Thị Thanh Hà			x			Triết học	1
10	Nguyễn Thị Hoàng Lan			x			Luật học	0,5
11	Hoàng Thu Thủy			x			Lịch sử Đảng	0,5
12	Nguyễn T. Minh Hiền				x		Lịch sử Đảng	1
13	Lý Trung Thành				x		Lịch sử Đảng	1
14	Nguyễn Tuấn Anh				x		Lịch sử Đảng	1
15	Thăng Văn Liêm				x		Tư tưởng HCM	1
16	Vũ Thị Thủy				x		Tư tưởng HCM	1
17	Phạm Thị Huyền				x		Tư tưởng HCM	1
18	Thái Hữu Linh				x		LL & PP Giáo dục Chính trị	1
19	Nguyễn Thị Hương			x			CNXH Khoa học	0,5
20	Trần Thị Lan			x			CNXH Khoa học	0,5
21	Nguyễn Thị Mão				x		Kinh tế chính trị	1
22	Vũ Thuý Hằng				x		Triết học	1
23	Nguyễn Thị Hạnh				x		Kinh tế chính trị	0,5
24	Nguyễn Mai Anh				x		Triết học	1
Cộng		0	0	11	13	0		18,5

Biểu 7.16: Tâm lý - Giáo dục

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Thị Tính		x				Giáo dục học	0,2
2	Phùng Thị Hằng		x				Tâm lý học	0,25
3	Đầu Thị Thu				x		Tâm lý học	1
4	Nguyễn Thị Thanh Huyền		x				Giáo dục học	0,25
5	Lê Công Thành				x		Giáo dục học	1
6	Phí Thí Hiếu			x			Tâm lý học	0,5
7	Nguyễn Thị Chúc				x		Tâm lý học	1
8	Trần Thị Minh Huế			x			Giáo dục học	0,2
9	Lê Thị Phương Hoa			x			Tâm lý học	1
10	Hà Thị Kim Linh			x			Giáo dục học	0,33
11	Phạm Văn Cường				x		Tâm lý học	1
12	Lê Thùy Linh			x			Giáo dục học	0,33
13	Lê Hồng Sơn				x		Giáo dục học	1
14	Đặng Thị Phương Thảo				x		Đoàn đội	1
15	Đàm Thị Kim Thu				x		Giáo dục học	1
16	Nguyễn Thị Út Sáu			x			Tâm lý học	0,5
17	Nguyễn Ngọc Hiếu				x		Giáo dục học	1
18	Nguyễn Thị Ngọc			x			Giáo dục học	1
19	Lê Như Hoa				x		Tâm lý học	1
20	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung				x		Tâm lý học	1
Cộng		0	3	7	10	0		14,56

Biểu 7.17: Giáo dục mầm non

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Trần Thị Minh Huế			x			Giáo dục học	0,2
2	Đinh Đức Hợi			x			Tâm lý học CN	1
3	Hoàng Thị Tú				x		LL & PPDH bộ môn Toán	1
4	Dương Thị Thuý Vinh				x		Ngôn ngữ học	1
5	Nguyễn Thị Hoa				x		Ngôn ngữ học	1
6	Ngô Mạnh Dũng				x		Di truyền học	1
7	Lê Tùng Sơn			x			Hình học	0,2
8	Trần Huệ Minh			x			Hình học-Tô pô	0,16
9	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			LL & PPDH bộ môn Toán	0,16
10	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0,16
11	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0,16
12	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	0,16
13	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động vật	0,16
14	Vũ Văn Anh			x			Địa lý kinh tế TG	0,2
15	Nguyễn Văn Thiệu				x		Âm nhạc	0,5

16	Đỗ Mạnh Hải				x		Mỹ thuật	0,5
17	Hồ Thủy Ngân				x		Múa	0,5
18	Nguyễn Thị Thương Huyền				x		Âm nhạc	0,33
19	Nguyễn Thanh Tiến				x		Âm nhạc	0,5
20	Đỗ Thị Thái Thanh				x		Bóng bàn	0,33
21	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x			Giải tích	0,33
22	Ngô Huyền Nhung				x		GD học Mầm non	1
23	Vũ Thị Phương Thảo				x		Giáo dục học	1
24	Trương Thị Thùy Anh				x		Văn học DG	1
25	Lê Thị Hương Giang				x		Ngôn ngữ học	0,33
26	Ngô Thị Thu Trang			x			Hán nôm	0,16
27	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Văn học dân gian	0,25
28	Ngô Thị Thanh Quý		x				Văn học DG	0,2
29	Lê Thị Thương Thương				x		GD học Mầm non	1
30	Vũ Thị Thủy				x		GD học Mầm non	1
31	Lê Thị Thanh Huệ				x		GD học Mầm non	1
Cộng		0	1	10	20	0		16,5

Biểu 7.18 Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Ngô Gia Võ			x			Văn học Việt Nam	0,2
2	Lâm Thùy Dương			x			Toán học	0,5
3	Lê Thị Thu Hương			x			LL&PPDH Bộ môn Toán	0,25
4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			Giáo dục học	0,33
5	Nguyễn T.Hồng Chuyên			x			Giáo dục học	0,5
6	Nông Thị Trang				x		Văn học	0,5
7	Đặng Thị Lê Tâm			x			LL&PPDH Văn - TV	0,25
8	Nguyễn Tú Quyên			x			Ngôn ngữ học	0,25
9	Trần Ngọc Bích			x			LL&PPDH Bộ môn Toán	0,33
10	Bùi Huy Nam			x			Lịch sử	0,5
11	Nguyễn Thị Thu Hà (V)			x			Ngôn ngữ học	0,5
12	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0,25
13	Phạm Đình Chiến					x	Âm nhạc	0,5
14	Nguyễn T Thương Huyền				x		Âm nhạc	0,33
15	Trần Duy Vinh				x		Âm nhạc	0,5
16	Dương Thị Lê				x		Mỹ thuật	0,5
17	Trần Thị Kim Hoa				x		Văn học	0,5
18	Lý Văn Hoan				x		Toán học	0,5
19	Vũ Văn Nhân				x		Toán học	0,25
Cộng		0	0	10	8	1		7,4

Biểu 7.19 Giáo dục Tiểu học- Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Ngô Gia Võ			x			Văn học Việt Nam	0,2
2	Lâm Thùy Dương			x			Toán học	0,5
3	Lê Thị Thu Hương			x			LL&PPDH Bộ môn Toán	0,25
4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			Giáo dục học	0,33
5	Nguyễn T.Hồng Chuyên			x			Giáo dục học	0,5
6	Nông Thị Trang				x		Văn học	0,5
7	Đặng Thị Lệ Tâm			x			LL&PPDH Văn - TV	0,25
8	Nguyễn Tú Quyên			x			Ngôn ngữ học	0,25
9	Đặng Thị Thu Hương			x			Ngoại ngữ	0,5
10	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0,25
11	Nguyễn Thị Hồng Minh			x			Ngoại ngữ	0,5
12	Mai Văn Cẩn				x		Ngoại ngữ	0,5
13	Dương Công Đạt				x		Ngoại ngữ	0,5
14	Phạm Thị Kiều Oanh				x		Ngoại ngữ	0,5
15	Trần Ngọc Bích			x			LL&PPDH Bộ môn Toán	0,33
16	Bùi Huy Nam			x			Lịch sử	0,5
17	Trần Thị Kim Hoa				x		Văn học	0,5
18	Lý Văn Hoan				x		Toán học	0,5
19	Vũ Văn Nhân				x		Toán học	0,25
20	Nguyễn Thị Thu Hà (V)			x			Ngôn ngữ học	0,5
Cộng		0	0	12	8	0		8,1

Biểu 7.20 SP Toán - Tin

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Bích Liên				x		Tin học	0,2
2	Ngô Tú Quyên				x		Tin học	0,16
3	Đoàn Thị Minh Thái				x		Công nghệ thông tin	0,2
4	Lương Thị Hồng Lan				x		Tin học	0,2
5	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0,14
6	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0,16
7	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0,16
8	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0,16
9	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0,2
10	Hồ Thị Mai Phương				x		LL & PPDH bộ môn Toán	1
11	Trần Nguyệt Anh				x		LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
12	Trịnh Thị Phương Thảo			x			LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
13	Bạch Phương Vinh			x			LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
14	Trần Thị Hồng Minh				x		Đại số	0,5
15	Phạm Thị Hoài Thu				x		Hình học	0,5

16	Vũ Văn Nhân				x		Giải tích	0,25
17	Nguyễn Thị Thu				x		Tin học	0,25
18	Cáp Thanh Tùng				x		Công nghệ thông tin	0,5
19	Phạm Văn Tiến				x		Tin học	0,5
Cộng		0	0	5	14	0		6,6

Biểu 7.21 SP Toán - Lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Bích Liên				x		Công nghệ thông tin	0,2
2	Ngô Tú Quyên				x		Công nghệ thông tin	0,16
3	Đoàn Thị Minh Thái				x		Công nghệ thông tin	0,2
4	Lương Thị Hồng Lan				x		Công nghệ thông tin	0,2
5	Nguyễn Thị Ngân			x			Giải tích	0,2
6	Phạm Thị Thủy			x			Giải tích	0,2
7	Lê Quang Ninh				x		Giải tích	0,16
8	Trần Thị Thùy Dung				x		Toán ứng dụng	0,165
9	Trần Nguyệt Anh				x		LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
10	Trịnh Thị Phương Thảo			x			LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
11	Bạch Phương Vinh			x			LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
12	Trần Thị Hồng Minh				x		Đại số	0,5
13	Phạm Thị Hoài Thu				x		Hình học	0,5
14	Vũ Văn Nhân				x		Giải tích	0,25
15	Vũ Thị Hồng Hạnh			x			VL đại cương	0,25
16	Đỗ Thùy Chi			x			VL đại cương	0,2
17	Vũ Thị Kim Liên		x				Vật lý chất rắn	0,2
18	Phan Đình Quang				x		LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
19	Nguyễn Quang Linh				x		LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
20	Thái Quốc Bảo				x		LL & PPDH bộ môn Toán	0,5
Cộng		0	1	6	13	0		6,4

Biểu 7.22 SP Văn - Sử

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Kiến Thọ			x			Văn học Việt Nam	0,5
2	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			LL& PPDH Văn - TV	0,33
3	Nguyễn Thị Kiều Hương				x		Ngôn ngữ	0,5
4	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0,2
5	Ngô Thị Thu Trang			x			Hán nôm	0,16
6	Đặng Quyết Tiến				x		VH nước ngoài	0,25
7	Hoàng Thị Thập			x			Văn học nước ngoài	0,25
8	Dương Nguyệt Vân				x		Văn học Việt Nam	0,5
9	Nguyễn Mạnh Tiến				x		Ngôn ngữ học	0,5

10	Cao Thị Thu Hoài			x			Văn học Việt Nam	0,33
11	Lê Thị Thu Hương (S-B)			x			Lịch sử Việt Nam	0,5
12	Hoàng Thị Mỹ Hạnh			x			Lịch sử Việt Nam	0,5
13	Nguyễn Thị Quế Loan			x			Nhân học văn hóa	0,25
14	Lê Thị Thu Hương (S-A)				x		LL&PPDH Lịch sử	0,5
15	Nguyễn Đức Thắng			x			Lịch sử VN	0,5
16	Hoàng Thị Trà My				x		Lịch sử thế giới	0,5
Cộng		0	0	10	6	0		6,27

Biểu 7.23 SP Văn - Địa

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Kiến Thọ			x			Văn học Việt Nam	0,5
2	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			LL& PPDH Văn - TV	0,33
3	Dương Nguyệt Vân				x		Văn học Việt Nam	0,5
4	Nguyễn Mạnh Tiến				x		Ngôn ngữ học	0,5
5	Cao Thị Thu Hoài			x			Văn học Việt Nam	0,33
6	Nguyễn Thị Kiều Hương				x		Ngôn ngữ	0,5
7	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0,2
8	Ngô Thị Thu Trang			x			Hán nôm	0,16
9	Đặng Quyết Tiến				x		Văn học nước ngoài	0,25
10	Hoàng Thị Thập			x			Văn học nước ngoài	0,25
11	Đỗ Văn Hào			x			LL& PPDH Địa lý	0,25
12	Nguyễn Thị Thu Hà (Đ)				x		Địa lý tự nhiên	0,5
13	Lê Thị Nguyệt			x			Địa lý tự nhiên	1
Cộng		0	0	8	5	0		5,3

Biểu 7.24 SP Sinh - Hóa

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0,16
2	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
3	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh lý học thực vật	0,16
4	Nguyễn Văn Hồng		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
5	Nguyễn Phúc Chính		x				LL & PPDH Sinh học	0,16
6	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0,2
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0,14
8	Nguyễn Thị Hà			x			LL & PPDH Sinh học	0,16
9	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0,14
10	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động vật	0,16
11	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0,16
12	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0,16
13	Nguyễn Thị Hằng			x			LL & PPDH Sinh học	0,33

14	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0,16
15	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0,16
16	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0,16
17	Hoàng Phú Hiệp			x			Di truyền học	0,2
18	Vũ Trọng Lượng				x		SL Động vật	0,33
19	Nguyễn Đức Hùng				x		SL Động vật	0,33
20	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0,16
21	Hoàng Thanh Thủy					x	Chăn nuôi	0,33
22	Lê Thị Minh Hạnh					x	Chăn nuôi (GVTH)	1
23	Nguyễn T Hồng Chuyên					x	Hóa học	0,33
24	Cao Thị Phương Thảo					x	Sinh học (GVTH)	0,33
25	Chu Mạnh Nhưong			x			Hóa Vô cơ	0,5
26	Nguyễn Thị Thu Hà (S)				x		Sinh lý học thực vật	0,33
27	Nguyễn Hữu Quân			x			Vi sinh học	0,33
28	Đinh Thuý Vân				x		Hóa Hữu cơ	0,5
29	Nguyễn Văn Trung				x		Hóa Vô cơ	0,5
30	Nguyễn Mậu Đức			x			LL&PPDH Hóa học	0,5
31	Lê Huy Hoàng				x		LL&PPDH Hóa học	0,5
32	Hoàng Thị Chiên		x				LL&PPDH Hóa học	0,33
33	Phạm Thị Hà Thanh			x			Hóa Vô cơ	0,25
34	Ngô Thị Mai Việt			x			Hóa CN- MT	0,33
35	Vũ Văn Nhưong			x			Hóa CN- MT	0,5
36	Nguyễn Thị Tố Loan		x				Hóa vô cơ	0,25
37	Bùi Đức Nguyên		x				Hóa vô cơ	0,25
Cộng		1	7	19	6	4		10,8

Biểu 7.25 SP Âm nhạc

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Đình Chiến					x	Âm nhạc	0,5
2	Trần Duy Vinh				x		Âm nhạc	0,5
3	Nguyễn Thị Nhưong Huyền				x		Âm nhạc	0,33
4	Nguyễn Văn Thiều				x		Âm nhạc	0,5
5	Phạm Minh Thùy				x		Âm nhạc	1
6	Hồ Thủy Ngân				x		Múa	0,5
7	Nguyễn Thanh Tiến				x		Âm nhạc	0,5
Cộng		0	0	0	6	1		3,8

Biểu 7.26 SP Mỹ thuật

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Dương Thị Lê				x		Mỹ thuật	0,5
2	Đỗ Mạnh Hải				x		Mỹ thuật	0,5

3	Đào Huyền Trang					x	Mỹ thuật	1
4	Dương Thu Trang					x	Mỹ thuật	1
Cộng		0	0	0	2	2		3,0

Biểu 7.27 SP Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Vũ Đình Bắc				x		Tiếng Anh	1
2	Mai Văn Cần				x		Tiếng Anh	0,5
3	Nguyễn Thị Hồng Chuyên			x			Tiếng Anh	1
4	Dương Công Đạt				x		Tiếng Anh	0,5
5	Đặng Thị Thu Hương			x			Tiếng Anh	0,5
6	Lê Thị Thu Hương			x			Giáo dục học	1
7	Lưu Lan Hương				x		Tiếng Trung	1
8	Nguyễn Thị Thu Hương				x		Tiếng Anh	1
9	Nguyễn Thị Hồng Minh			x			Tiếng Anh	0,5
10	Ngô Thị Bích Ngọc			x			Tiếng Anh	1
11	Phạm Thị Kiều Oanh				x		Tiếng Anh	0,5
12	Nguyễn Thị Hạnh Phúc				x		Tiếng Trung	1
13	Đỗ Thị Ngọc Phương				x		Tiếng Anh	1
14	Nguyễn Quốc Thủy				x		Tiếng Anh	1
15	Nguyễn Thị Minh Trang				x		Tiếng Anh	1
16	Nguyễn Thị Đoàn Trang				x		Tiếng Anh	1
17	Nguyễn Tiến Trục				x		Tiếng Anh	1
18	Vì Thị Trung				x		Tiếng Anh	1
19	Phùng Thị Thanh Tú				x		Tiếng Anh	1
20	Trần Thị Yến				x		Tiếng Anh	1
21	Phan Thanh Hải				x		Tiếng Anh	1
Cộng		0	0	5	16	0		18,5

Biểu 7.28 Thạc sỹ Toán giải tích

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Hiến Bằng		x				Toán giải tích	0,25
2	Hà Trần Phương		x				Toán giải tích	0,25
3	Trần Huệ Minh			x			Hình học-Tô pô	0,16
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x			Toán giải tích	0,33
5	Trịnh Thị Diệp Linh			x			Toán giải tích	0,5
6	Nguyễn Thị Ngân			x			Toán giải tích	0,14
7	Phạm Thị Thủy			x			Toán giải tích	0,16
8	Bùi Thế Hùng			x			Toán giải tích	0,25
9	Nguyễn Xuân Tấn	x					Giải tích đa trị	0,5
10	Hà Huy Khoái	x					Toán giải tích	0,5

11	Lê Dũng Mưu	x					Toán giải tích	0,5
12	Vũ Ngọc Phát	x					Phương trình vi phân và tích phân	0,5
13	Phạm Việt Đức		x				Toán giải tích	0,5
14	Nguyễn Quang Diệu	x					Toán giải tích	0,5
15	Đỗ Văn Lưu		x				Toán giải tích	0,5
16	Trần Văn Tấn		x				Toán giải tích	0,5
17	Vũ Hoài An			x			Toán giải tích	0,5
Tổng		5	5	7	0	0		6,54

Biểu 7.29 Thạc sỹ Đại số và lý thuyết số

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Hoàng			x			Đại số và lý thuyết số	0,25
2	Trần Nguyên An			x			Đại số và lý thuyết số	0,25
3	Trần Đỗ Minh Châu			x			Đại số và lý thuyết số	0,33
4	Lê Tùng Sơn			x			Toán học tính toán	0,2
5	Vũ Mạnh Xuân			x			Toán ứng dụng	0,2
6	Nguyễn Tự Cường	x					Đại số và lý thuyết số	1
7	Lê Thị Thanh Nhân	x					Đại số và lý thuyết số	1
8	Phùng Hồ Hải		x				Đại số và lý thuyết số	1
9	Hoàng Lê Trường			x			Đại số và lý thuyết số	1
10	Đoàn Trung Cường			x			Đại số và lý thuyết số	1
11	Nguyễn Thị Dung			x			Đại số và lý thuyết số	1
12	Nguyễn Duy Tân			x			Đại số và lý thuyết số	1
Tổng		2	1	9	0	0		8,23

Biểu 7.30 Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Cao Thị Hà		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
2	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,16
3	Trần Việt Cường		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
4	Nguyễn Danh Nam		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
5	Đỗ Thị Trinh			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
6	Bùi Văn Nghị	x					LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
7	Nguyễn Hữu Châu	x					LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
8	Vũ Thị Thái		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
9	Trịnh Thanh Hải		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
Tổng		2	5	2	0	0		3,16

Biểu 7.31 Thạc sỹ Vật lý chất rắn

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Vũ Thị Kim Liên		x				Vật lý chất rắn	0,2
2	Chu Việt Hà		x				Vật lý chất rắn	0,33
3	Đỗ Thùy Chi			x			Vật lý chất rắn	0,2
4	Phạm Mai An			x			Vật lý chất rắn	0,5
5	Nguyễn Thị Minh Thủy			x			Vật lý chất rắn	1
6	Nguyễn Lê Hùng			x			Vật lý chất rắn	0,5
Tổng		0	2	4	0	0		2,73

Biểu 7.32 Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Vũ Thị Kim Liên		x				Vật lý chất rắn	0,2
2	Vũ Thị Hồng Hạnh			x			Vật lý chất rắn	0,25
3	Phạm Hữu Kiên			x			Vật lý kỹ thuật	0,33
4	Đỗ Thùy Chi			x			Vật lý chất rắn	0,2
5	Cao Tiến Khoa			x			LL&PP dạy học Vật lý	0,33
6	Nguyễn Thị Thu Hà (L)			x			LL&PP dạy học Vật lý	0,33
7	Phạm Xuân Quế		x				LL&PP dạy học Vật lý	0,5
8	Nguyễn Văn Khải		x				LL&PP dạy học Vật lý	0,5
9	Tô Văn Bình		x				LL&PP dạy học Vật lý	0,5
10	Nguyễn Lê Hùng			x			Vật lý chất rắn	0,5
11	Nguyễn Anh Thuận			x			LL&PP dạy học Vật lý	1
Tổng		0	4	7	0	0		4,64

Biểu 7.33 Thạc sỹ Hóa Hữu cơ

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Hoàng Thị Chiên		x				LL&PPDH Hóa học	0,33
2	Phạm Văn Khang			x			Hóa hữu cơ	0,5
3	Nguyễn Thị Thanh Hương			x			Hóa hữu cơ	0,5
4	Mai Thanh Nga			x			Hóa hữu cơ	1
5	Dương Ngọc Toàn			x			Hóa hữu cơ	0,5
6	Nguyễn Minh Thảo	x					Hóa hữu cơ	1
7	Phạm Văn Thịnh		x				Hóa hữu cơ	1
8	Vũ Quốc Trung		x				Hóa hữu cơ	1
Tổng		1	3	4	0	0		5,83

Biểu 7.34 Thạc sỹ Hóa phân tích

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Mai Xuân Trường		x				Hóa phân tích	0,5
2	Đỗ Trà Hương		x				Hóa lý	0,5
3	Ngô Thị Mai Việt			x			Hóa phân tích	0,33
4	Dương Thị Tú Anh			x			Hóa phân tích	0,5
5	Vũ Thị Hậu			x			Hóa lý	0,5
6	Trần Tứ Hiếu	x					Hóa phân tích	1
7	Đào Thị Phương Diệp		x				Hóa phân tích	1
8	Nguyễn Xuân Trung		x				Hóa phân tích	1
Tổng		1	4	3	0	0		5,33

Biểu 7.35 Thạc sỹ Hóa vô cơ

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Hữu Thiêng		x				Hóa vô cơ	0,33
2	Nguyễn Thị Hiền Lan		x				Hóa vô cơ	0,33
3	Bùi Đức Nguyên		x				Hóa vô cơ	0,25
4	Nguyễn Thị Tổ Loan		x				Hóa vô cơ	0,25
5	Phạm Thị Hà Thanh			x			Hóa vô cơ	0,25
6	Trịnh Ngọc Châu		x				Hóa vô cơ	1
Tổng		0	5	1	0	0		2,41

Biểu 7.36 Thạc sỹ Di truyền học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0,16
2	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0,16
3	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0,16
4	Hoàng Phú Hiệp			x			Di truyền học	0,2
5	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0,16
Tổng		1	0	4	0	0		0,84

Biểu 7.37 Thạc sỹ Sinh học thực nghiệm

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Thị Tâm		x				Sinh học thực nghiệm	0,16
2	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh học thực nghiệm	0,14
3	Lương Thị Thúy Vân			x			KH Cây trồng	0,2
4	Hoàng Văn Ngọc			x			KH Cây trồng	0,14
5	Từ Quang Tân			x			Di truyền chọn giống động vật	0,16

6	Nghiêm Ngọc Minh		x				Vi sinh học	1
7	Lê Văn Sơn			x			Sinh học phân tử	0,5
Tổng		0	2	5	0	0		2,3

Biểu 7.38 Thạc sỹ Sinh thái học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
2	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0,14
3	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0,16
4	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0,16
5	Đinh Thị Phượng			x			Sinh thái học	0,16
6	Hoàng Chung		x				Sinh thái học	0,5
7	Lê Đồng Tấn			x			Sinh thái học	0,5
Tổng		0	2	5	0	0		1,76

Biểu 7.39 Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Phúc Chính		x				LL & PPDH sinh học	0,16
2	Nguyễn Văn Hồng		x				LL & PPDH sinh học	0,16
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0,14
4	Nguyễn Thị Hà			x			LL & PPDH sinh học	0,16
5	Phạm Thị Hồng Tú			x			LL & PPDH sinh học	1
Tổng		0	2	3	0	0		1,62

Biểu 7.40 Thạc sỹ Văn học Việt Nam

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thuỷ Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0,2
2	Cao Thị Hảo		x				Văn học Việt Nam	0,25
3	Ngô Thị Thanh Quý		x				Văn học Việt Nam	0,2
4	Nguyễn Thị Minh Thu			x			Văn học dân gian	0,25
5	Ngô Gia Võ			x			Văn học Việt Nam	0,2
6	Dương Thu Hằng		x				Văn học Việt Nam	0,25
7	Nguyễn Thị Bích			x			Văn học Việt Nam	0,33
8	Nguyễn Hằng Phương		x				Văn học Việt Nam	0,5
9	Nguyễn Đức Hạnh		x				Lý luận văn học	0,5
10	Trần Thị Việt Trung		x				Văn học Việt Nam	0,5
11	Trần Nho Thìn		x				Văn học Việt Nam	1
12	Ngô Văn Đức			x			Văn học Việt Nam	1
13	Nguyễn Thị Vượng			x			Văn học nước ngoài	1
Tổng		0	8	5	0	0		6,18

Biểu 7.41 Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - TV

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Thị Thu Thủy			x			LL& PPDH Văn - TV	0,33
2	Đặng Thị Lệ Tâm			x			LL& PPDH Văn - TV	0,25
3	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			LL& PPDH Văn - TV	0,33
4	Ôn Thị Mỹ Linh			x			Văn học nước ngoài	0,33
5	Đào Thuỷ Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0,2
6	Nguyễn Huy Quát		x				LL& PPDH Văn - TV	1
7	Hoàng Hữu Bội			x			LL& PPDH Văn - TV	1
8	Nguyễn Trọng Hoàn			x			LL& PPDH Văn - TV	1
Tổng		0	2	6	0	0		4,44

Biểu 7.42 Thạc sỹ Ngôn ngữ Việt Nam

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Lộc		x				Ngôn ngữ học	0,5
2	Nguyễn Thị Nhung			x			Ngôn ngữ học	0,25
3	Nguyễn Tú Quyên			x			Ngôn ngữ học	0,25
4	Ngô Thị Thu Trang			x			Hán nôm	0,16
5	Đào Thị Vân		x				Ngôn ngữ học	0,5
6	Đỗ Việt Hùng	x					Ngôn ngữ học	0,5
7	Lý Toàn Thắng	x					Ngôn ngữ học	0,5
8	Nguyễn Đức Tồn	x					Ngôn ngữ học	1
9	Nguyễn Văn Khang	x					Ngôn ngữ học	0,5
10	Hà Quang Năng		x				Ngôn ngữ học	0,5
11	Tạ Văn Thông		x				Ngôn ngữ học	1
12	Phạm Văn Hảo		x				Ngôn ngữ học	0,5
13	Phạm Hùng Việt		x				Ngôn ngữ học	1
14	Hoàng Cao Cương			x			Ngôn ngữ học	1
Tổng		4	6	4	0	0		8,16

Biểu 7.43 Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Hà Thị Thu Thủy		x				Lịch sử VN	0,33
2	Đỗ Hồng Thái		x				LL&PPDH Lịch sử	0,33
3	Nghiêm Thị Hải Yến			x			LSTG cận đại và hiện đại	0,33
4	Nguyễn Thị Quế Loan			x			Nhân học văn hoá	0,25
5	Kim Ngọc Thu Trang			x			LS Thế giới	0,33
6	Nguyễn Quang Ngọc	x					Lịch sử	0,5
7	Đàm Thị Uyên		x				LSVN cổ - trung đại	0,5
8	Đinh Ngọc Bảo		x				Lịch sử	0,5
9	Nguyễn Ngọc Cơ	x					Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	0,5

10	Nguyễn Thị Hạnh		x				Lịch sử thể giới	0,5
11	Nguyễn Xuân Minh			x			LSVN Cận-Hiện đại	1
Tổng		2	5	4	0	0		5,07

Biểu 7.44 Thạc sỹ Địa lý học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Dương Quỳnh Phương		x				Địa lý học	0,25
2	Vũ Văn Anh			x			Địa lý học	0,2
3	Đỗ Vũ Sơn		x				LL& PPDH Địa lý	0,33
4	Nguyễn Thị Hồng		x				Địa lý tự nhiên	0,2
5	Nguyễn Phương Liên		x				LL& PPDH Địa lý	0,25
6	Lê Thu Hoa		x				Địa lý học	0,5
7	Nguyễn Xuân Trường		x				Địa lý học	0,5
8	Vũ Như Vân			x			Địa lý học	0,5
9	Nguyễn Việt Tiến			x			Địa lý học	0,5
Tổng		0	6	3	0	0		3,23

Biểu 7.45 Thạc sỹ Địa lý tự nhiên

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Thị Hồng		x				Địa lý tự nhiên	0,2
2	Vũ Văn Anh			x			Địa lý học	0,2
3	Dương Quỳnh Phương		x				Địa lý học	0,25
4	Đỗ Vũ Sơn		x				LL& PPDH Địa lý	0,33
5	Nguyễn Phương Liên		x				LL& PPDH Địa lý	0,25
6	Phạm Hoàng Hải	x					Địa lý tự nhiên	1
7	Trần Viết Khanh		x				Địa lý tự nhiên	1
8	Nguyễn Khánh Vân		x				Địa lý tự nhiên	1
Tổng		1	6	1	0	0		4,23

Biểu 7.46 Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Phương Liên		x				LL& PPDH Địa lý	0,25
2	Đỗ Vũ Sơn		x				LL& PPDH Địa lý	0,33
3	Đỗ Văn Hào			x			LL& PPDH Địa lý	0,25
4	Nguyễn Thị Hồng		x				Địa lý tự nhiên	0,2
5	Vũ Văn Anh			x			Địa lý học	0,2
6	Đặng Xuân Phong			x			LL& PPDH Địa lý	1
7	Ngô Thị Hải Yến			x			LL& PPDH Địa lý	1
Tổng		0	3	4	0	0		3,23

Biểu 7.47 Thạc sỹ Giáo dục học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Hồng Quang	x					Giáo dục học	0,2
2	Nguyễn Thị Tính		x				Giáo dục học	0,2
3	Hà Thị Kim Linh			x			Giáo dục học	0,33
4	Phùng Thị Hằng		x				Tâm lý học	0,25
5	Nguyễn Thị Út Sáu			x			Tâm lý học	0,5
6	Lê Thùy Linh			x			Giáo dục học	0,33
7	Nguyễn Văn Hộ	x					Giáo dục học	0,25
Tổng		2	2	3	0	0		2,06

Biểu 7.48 Thạc sỹ Quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Hồng Quang	x					Giáo dục học	0,2
2	Nguyễn Thị Tính		x				Giáo dục học	0,2
3	Phùng Thị Hằng		x				Tâm lý học	0,25
4	Trần Thị Minh Huế			x			Giáo dục học	0,2
5	Phí Thí Hiếu			x			Tâm lý học	0,5
6	Nguyễn Thị Thanh Huyền		x				Giáo dục học	0,25
7	Hà Thị Kim Linh			x			Giáo dục học	0,33
8	Lê Thùy Linh			x			Giáo dục học	0,33
9	Phạm Hùng Linh			x			Quản lý giáo dục	0,33
10	Nguyễn Văn Hộ	x					Giáo dục học	0,25
11	Trần Quốc Thành		x				Tâm lý học	1
12	Lê Khánh Tuấn		x				Quản lý giáo dục	1
Tổng		2	5	5	0	0		4,84

Biểu 7.49 Thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lý luận chính trị

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đồng Văn Quân			x			Triết học	0,5
2	Vũ Thị Tùng Hoa			x			Triết học	0,5
3	Nguyễn Thị Hường			x			Chủ nghĩa xã hội khoa học	0,5
4	Nguyễn Hữu Toàn			x			Lịch sử Đảng	0,5
5	Vũ Minh Tuyên			x			Triết học	0,5
6	Ngô Thị Lan Anh			x			Triết học	0,5
7	Nguyễn Thị Hoàng Lan			x			Luật học	0,5
8	Nguyễn Thị Khương			x			Triết học	0,5
9	Trần Thị Lan			x			CNXH Khoa học	0,5
10	Hoàng Thu Thủy			x			Lịch sử Đảng	0,5

11	Vũ Hồng Tiến		x				Kinh tế chính trị	1
12	Trần Đức Lợi			x			Chủ nghĩa xã hội khoa học	1
13	Phan Thanh Khôi		x				Chủ nghĩa xã hội khoa học	1
14	Phạm Ngọc Anh		x				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1
Tổng		0	3	11	0	0		9

Biểu 7.50 Thạc sỹ Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Thị Thu Hương			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
2	Ngô Gia Võ			x			Văn học Việt Nam	0,2
3	Trần Ngọc Bích			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,33
4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x			Giáo dục học	0,33
5	Đặng Thị Lệ Tâm			x			LL&PPDH Văn - TV	0,25
6	Lương Việt Thái			x			Giáo dục học	1
7	Lê Huy Bắc	x					Văn học thiếu nhi	1
8	Đỗ Việt Hùng	x					Ngôn ngữ học	0,5
Tổng		2	0	6	0	0		3,86

Biểu 7.51 Tiến sỹ Toán giải tích

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Hiến Bằng		x				Toán giải tích	0,25
2	Hà Trần Phương		x				Toán giải tích	0,25
3	Trần Huệ Minh			x			Hình học-Tô pô	0,16
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x			Toán giải tích	0,33
5	Trịnh Thị Diệp Linh			x			Toán giải tích	0,5
6	Nguyễn Thị Ngân			x			Toán giải tích	0,14
7	Phạm Việt Đức		x				Toán giải tích	0,5
8	Nguyễn Xuân Tấn	x					Giải tích đa trị	0,5
9	Hà Huy Khoái	x					Toán giải tích	0,5
10	Lê Dũng Mưu	x					Toán giải tích	0,5
11	Vũ Ngọc Phát	x					Phương trình vi phân và tích phân	0,5
12	Nguyễn Quang Diệu	x					Toán giải tích	0,5
13	Đỗ Văn Lưu		x				Toán giải tích	0,5
14	Trần Văn Tấn		x				Toán giải tích	0,5
15	Đinh Nho Hào	x					Toán học	1
16	Đỗ Ngọc Diệp	x					Toán học	1
17	Nguyễn Minh Trí	x					Toán học	1
18	Nguyễn Bường	x					Toán học	1
19	Vũ Hoài An			x			Toán giải tích	0,5
Tổng		9	5	5	0	0		10,13

Biểu 7.52 Tiến sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Cao Thị Hà		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
2	Bùi Thị Hạnh Lâm			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,16
3	Trần Việt Cường		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
4	Nguyễn Danh Nam		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
5	Đỗ Thị Trinh			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
6	Lê Thị Thu Hương			x			LL&PPDH bộ môn Toán	0,25
7	Bùi Văn Nghị	x					LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
8	Nguyễn Hữu Châu	x					LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
9	Vũ Thị Thái		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
10	Trịnh Thanh Hải		x				LL&PPDH bộ môn Toán	0,5
11	Nguyễn Anh Tuấn		x				LL&PPDH bộ môn Toán	1
12	Trần Kiều		x				LL&PPDH bộ môn Toán	1
13	Đào Thái Lai		x				LL&PPDH bộ môn Toán	1
14	Trần Trung		x				LL&PPDH bộ môn Toán	1
15	Đào Tam	x					LL&PPDH bộ môn Toán	1
Tổng		3	9	3	0	0		8,41

Biểu 7.53 Tiến sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Vũ Thị Kim Liên		x				Vật lý chất rắn	0,2
2	Vũ Thị Hồng Hạnh			x			Vật lý chất rắn	0,25
3	Chu Việt Hà		x				Vật lý chất rắn	0,33
4	Phạm Hữu Kiên			x			Vật lý kỹ thuật	0,33
5	Đỗ Thùy Chi			x			Vật lý chất rắn	0,2
6	Cao Tiến Khoa			x			LL&PPDH Vật lý	0,33
7	Nguyễn Thị Thu Hà (L)			x			LL&PPDH Vật lý	0,33
8	Nguyễn Văn Khải		x				LL&PPDH Vật lý	0,5
9	Tô Văn Bình		x				LL&PPDH Vật lý	0,5
10	Phạm Xuân Quế		x				LL&PPDH Vật lý	0,5
11	Đỗ Hương Trà	x					LL&PPDH Vật lý	1
Tổng		1	5	5	0	0		4,47

Biểu 7.54 Tiến sỹ Hóa vô cơ

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Hữu Thiêng		x				Hóa vô cơ	0,33
2	Nguyễn Thị Hiền Lan		x				Hóa vô cơ	0,33
3	Bùi Đức Nguyên		x				Hóa vô cơ	0,25

4	Nguyễn Thị Tố Loan		x				Hóa vô cơ	0,25
5	Phạm Thị Hà Thanh			x			Hóa vô cơ	0,25
Tổng		0	4	1	0	0		1,41

Biểu 7.55 Tiến sỹ Di truyền học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Chu Hoàng Mậu	x					Di truyền học	0,16
2	Nguyễn Thị Tâm		x				Di truyền học	0,16
3	Nguyễn Thị Thu Nga			x			Di truyền học	0,16
4	Vũ Thị Thu Thủy			x			Di truyền học	0,16
5	Phạm Thị Thanh Nhân			x			Di truyền học	0,16
6	Nguyễn Vũ Thanh Thanh		x				Di truyền học	1
7	Chu Hoàng Hà		x				Sinh học phân tử	1
8	Lê Văn Sơn			x			Di truyền học	0,5
Tổng		1	3	4	0	0		3,3

Biểu 7.56 Tiến sỹ Sinh thái học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
2	Hoàng Văn Ngọc			x			Động vật học	0,14
3	Sỹ Danh Thường			x			Thực vật học	0,16
4	Ma Thị Ngọc Mai			x			Sinh thái học	0,16
5	Đinh Thị Phụng			x			Sinh thái học	0,16
6	Trần Đình Lý	x					Sinh thái học	1
7	Hoàng Chung		x				Sinh thái học	0,5
8	Lê Xuân Cảnh		x				Sinh thái học	1
9	Đỗ Hữu Thư			x			Sinh thái học	1
10	Lê Đồng Tấn			x			Sinh thái học	0,5
11	Nguyễn Thế Hưng			x			Sinh thái học	1
Tổng		1	3	7	0	0		5,76

Biểu 7.57 Tiến sỹ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Phúc Chinh		x				LL&PPDH Sinh học	0,16
2	Nguyễn Văn Hồng		x				LL&PPDH Sinh học	0,16
3	Lê Ngọc Công		x				Sinh thái học	0,14
4	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x			Sinh lý học thực vật	0,14
5	Nguyễn Thị Hà			x			LL&PPDH Sinh học	0,16
6	Đinh Quang Báo	x					LL&PPDH Sinh học	1

7	Dương Tiến Sỹ		x				LL&PPDH Sinh học	1
8	Lê Thanh Oai			x			LL&PPDH Sinh học	1
Tổng		1	4	3	0	0		3,76

Biểu 7.58 Tiến sỹ Văn học Việt Nam

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đào Thuỷ Nguyên		x				Văn học Việt Nam	0,2
2	Cao Thị Hảo		x				Văn học Việt Nam	0,25
3	Ngô Thị Thanh Quý		x				Văn học Việt Nam	0,2
4	Dương Thu Hằng		x				Văn học Việt Nam	0,25
5	Ngô Gia Võ			x			Văn học Việt Nam	0,2
6	Hoàng Điệp			x			Văn học Việt Nam	0,33
7	Ngô Thị Thanh Nga			x			Văn học Việt Nam	0,33
8	Nguyễn Hằng Phương		x				Văn học Việt Nam	0,5
9	Trần Đăng Xuyên	x					Văn học Việt Nam	1
10	Phong Lê	x					Văn học Việt Nam	1
11	Trần Thị Việt Trung		x				Văn học Việt Nam	0,5
12	Lưu Khánh Thơ		x				Văn học Việt Nam	1
13	Nguyễn Thị Bích Thu		x				Văn học Việt Nam	1
14	Nguyễn Thị Huế		x				Văn học Việt Nam	1
15	Nguyễn Đức Hạnh		x				Lý luận văn học	0,5
Tổng		2	10	3	0	0		8,26

Biểu 7.59 Tiến sỹ Ngôn ngữ Việt Nam

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Lộc		x				Ngôn ngữ học	0,5
2	Nguyễn Thị Nhung			x			Ngôn ngữ học	0,25
3	Nguyễn Tú Quyên			x			Ngôn ngữ học	0,25
4	Ngô Thu Thủy			x			Văn học Việt Nam	0,2
5	Đào Thị Vân		x				Ngôn ngữ học	0,5
6	Đinh Văn Đức	x					Ngôn ngữ học	1
7	Lý Toàn Thắng	x					Ngôn ngữ học	0,5
8	Nguyễn Văn Khang	x					Ngôn ngữ học	0,5
9	Hà Quang Năng		x				Ngôn ngữ học	0,5
10	Phạm Văn Hảo		x				Ngôn ngữ học	0,5
Tổng		3	4	3	0	0		4,7

Biểu 7.60 Tiến sỹ Lịch sử Việt Nam

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Đỗ Hồng Thái		x				LL&PPDH Lịch sử	0,33
2	Hà Thị Thu Thủy		x				Lịch sử VN	0,33
3	Nguyễn Thị Quế Loan			x			Nhân học văn hoá	0,25
4	Nghiêm Thị Hải Yến			x			Lịch sử Thế giới cận đại và hiện đại	0,33
5	Kim Ngọc Thu Trang			x			LS Thế giới	0,33
6	Nguyễn Quang Ngọc	x					Lịch sử	0,5
7	Nguyễn Ngọc Cơ	x					Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	0,5
8	Đàm Thị Uyên		x				LSVN cổ - trung đại	0,5
9	Nguyễn Thị Phương Chi		x				Lịch sử	1
10	Đình Ngọc Bảo		x				Lịch sử thế giới cổ - trung đại	0,5
Tổng		2	5	3	0	0		4,57

Biểu 7.61 Tiến sỹ Lí luận và lịch sử giáo dục

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Hồng Quang	x					Giáo dục học	0,2
2	Nguyễn Thị Tính		x				Giáo dục học	0,2
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền		x				Giáo dục học	0,25
4	Trần Thị Minh Huế			x			Giáo dục học	0,2
5	Phạm Hùng Linh			x			Quản lý giáo dục	0,33
6	Nguyễn Văn Hộ	x					Giáo dục học	0,25
7	Nguyễn Dục Quang		x				Giáo dục học	1
8	Nguyễn Thanh Bình		x				Giáo dục học	0,5
9	Nguyễn Văn Lê		x				Giáo dục học	1
10	Trần Khánh Đức		x				Giáo dục học	1
11	Lưu Thu Thủy			x			Giáo dục học	1
12	Võ Thị Xuân			x			Giáo dục học	1
Tổng		2	6	4	0	0		6,93

Biểu 7.62 Tiến sỹ Quản lý giáo dục

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Phạm Hồng Quang	x					Giáo dục học	0,2
2	Nguyễn Thị Tính		x				Giáo dục học	0,2
3	Phùng Thị Hằng		x				Tâm lý học	0,25
4	Trần Thị Minh Huế			x			Giáo dục học	0,2

5	Nguyễn Thị Thanh Huyền		x				Giáo dục học	0,25
6	Phạm Hùng Linh			x			Quản lý giáo dục	0,33
7	Nguyễn Văn Hộ	x					Giáo dục học	0,25
8	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	x					Giáo dục học	1
9	Phan Thanh Long		x				Giáo dục học	0,5
10	Phạm Văn Sơn		x				Giáo dục học	1
11	Từ Đức Văn		x				Giáo dục học	1
12	Phạm Viết Vượng		x				Giáo dục học	1
13	Hà Thế Truyền		x				Giáo dục học	1
14	Vũ Lệ Hoa			x			Giáo dục học	1
15	Vũ Lan Hương			x			Giáo dục học	1
Tổng		3	8	4	0	0		9,18

Biểu 7.63 Tiến sỹ Địa lý học

TT	Họ và tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	Phó GS	TSKH, TS	Thạc sỹ	Đại học		
1	Dương Quỳnh Phương		x				Địa lý học	0,25
2	Vũ Vân Anh			x			Địa lý học	0,2
3	Đỗ Văn Hào			x			LL& PPDH Địa lý	0,25
4	Phạm Hương Giang			x			Địa lý tự nhiên	0,5
5	Nguyễn Thị Hồng		x				Địa lý tự nhiên	0,2
6	Nguyễn Minh Tuệ		x				Địa lý học	1
7	Lê Thu Hoa		x				Địa lý học	0,5
8	Nguyễn Xuân Trường		x				Địa lý học	0,5
9	Vũ Như Vân			x			Địa lý học	0,5
Tổng		0	5	4	0	0		3,9

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Việt Cường

PGS. TS Nguyễn Thị Tính